

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền
2. Ông Nguyễn Văn Hết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng T Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Vẽ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 216/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp T1, xã M, huyện M1, tỉnh Bến Tre. (*Xin vắng mặt*)

- Bị đơn: Anh Ngô Tấn T2, sinh năm 1974; Nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện M1, tỉnh Bến Tre. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Ngô Tấn T2 kết hôn do quen biết. Anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/4/2006.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị cùng chung sống tại nhà cha mẹ ruột của chị ở ấp Tân Quới Đông B, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Sau hai năm, vợ chồng chị cất nhà ở riêng, cùng ấp. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cự cãi làm cho tình cảm vợ chồng rạn

nứt. Thời gian lâu dài dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt, xa cách với nhau, mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Chị và anh T2 đã sống ly thân hơn năm năm không có hàn gắn đoàn tụ.

Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với anh T2 được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T2 có một con chung là cháu Ngô Phạm Quốc H, sinh ngày 13/2/2007, hiện đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu con chung giao cho chị trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia T2 sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Ngô Tấn T2 vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc T. Về hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh T2. Về con chung: Cháu Ngô Phạm Quốc H, sinh ngày 13/2/2007, giao cho chị T được trực tiếp nuôi, ghi nhận chị T không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con. Về chia tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Ngô Tấn T2 và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T có quyền khởi kiện

theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Ngô Tấn T2 có nơi cư trú tại ấp T, xã M, huyện M1, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật của vụ án và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Ngô Tấn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T2.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận định: Chị T và anh T2 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/4/2006. Hôn nhân của anh chị được xác lập trên tinh thần tự nguyện, tuân thủ đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, chị T và anh T2 phát sinh nhiều mâu thuẫn, cự cãi, giữa vợ chồng không thường xuyên quan tâm, chia sẻ, giải quyết những mâu thuẫn nhỏ dẫn đến kéo dài, mất tình cảm. Anh chị đã sống ly thân hơn năm năm nhưng không tìm biện pháp hàn gắn đoàn tụ, bỏ mặc mâu thuẫn xảy ra. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời anh T2 đến Tòa tham gia hòa giải để tìm cách hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn cho anh chị nhưng anh T2 đều không đến, không có văn bản nêu ý kiến hay phản đối yêu cầu ly hôn của chị T. Điều này chứng tỏ anh T2 cũng không có thiện chí hàn gắn. Trong quá trình tố tụng, chị T kiên quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T2. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận định: Chị T và anh T2 có một con chung là cháu Ngô Phạm Quốc H, sinh ngày 13/2/2007, hiện đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu sau khi ly hôn, con chung giao cho chị trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Hải đã ở chung với chị T từ trước đến nay, đang được nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển ổn định, cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Anh T2 lại không đưa ra yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi. Chị T không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con là ý chí tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[6] Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị T trình bày không có, anh T2 không đưa ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc T có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc T cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Ngọc T được ly hôn với anh Ngô Tấn T2.

Về con chung: Cháu Ngô Phạm Quốc H, sinh ngày 13/2/2007, giao cho chị Phạm Thị Ngọc T trực tiếp nuôi. Ghi nhận chị Phạm Thị Ngọc T không yêu cầu anh Ngô Tấn T2 cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa Tận, nếu không thỏa Tận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

Về nợ chung: chị T trình bày không có, anh T2 không đưa ra yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí đối với yêu cầu ly hôn: chị Phạm Thị Ngọc T có nghĩa vụ chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007810 ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Kim Ngân